

HÌNH THÀNH KĨ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI THÔNG QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

ThS. MÃ THANH THỦY - ThS. NGUYỄN THỊ TRIỀU TIÊN*

Abstract: Along with the explosion of information, the Education Commission of UNESCO XXI century has put demand for education is: "Learning to know, learning to do, learning to live, learning to assert themselves". In the trend of "integration" and "developing" country requires education from Kindergarten to grade school should be university pedagogical innovation, innovative teaching methods. Innovation-oriented content from access switch to access the capacity of learners. The formation of problem-solving skills for youth in general and young Preschool Kindergarten age 5-6 in particular is a very important job and necessary. The paper will provide the rationale, practices, measures and advantages of thematic role playing games in the formation of problem-solving skills for 5-6 years old children.

Key words: Skills, problem solving, games, games played by Subject.

Đối với trẻ mẫu giáo, *trò chơi đóng vai theo chủ đề* (TCĐVTCD) là một hoạt động chủ đạo, có vai trò quyết định đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ. Khi tham gia trò chơi, trẻ sẽ được hóa thân vào các vai khác nhau để thể hiện đặc trưng của từng ngành nghề và các mối quan hệ xã hội... Tại đây thường xuyên xuất hiện những tình huống "có vấn đề" buộc trẻ phải phát hiện và xử lý một cách tích cực nhất, từ đó các bé sẽ tích lũy được thêm nhiều kinh nghiệm quý giá cho bản thân. Khi đã tự tin, trẻ sẽ chủ động hơn và biết cách xử lý các tình huống một cách thuận thực. Những vấn đề (VĐ) gặp phải nếu không được quan tâm giải quyết sẽ gây ra những xung đột, xáo trộn và mâu thuẫn giữa các thành viên dẫn đến cuộc chơi không được như mong muốn hoặc có thể sẽ phải kết thúc sớm hơn dự tính, thậm chí gây nên những bất hòa trong các mối quan hệ xã hội sau này. Tuy nhiên hiện nay, việc dạy cho trẻ những kĩ năng (KN) cơ bản nói chung, *kĩ năng giải quyết vấn đề* (KNGQVĐ) nói riêng chưa được quan tâm đúng mức và hiệu quả thực tế chưa cao.

Xuất phát từ thực trạng đó, bài viết tập trung phân tích sự hình thành KNGQVĐ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua TCĐVTCD - một trong những KN quan trọng để xây dựng nền tảng nhân cách cho trẻ trong tương lai.

1. Một số vấn đề về lí luận

1.1. Kĩ năng giải quyết vấn đề (GQVĐ):

- *Phát hiện và GQVĐ.* "Vấn đề" là tình huống khó khăn mà chủ thể chưa từng gặp trước đó nhưng cần giải quyết dựa trên những tri thức, KN đã có của mình.

GQVĐ là những hành động diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau (thuộc về cách cư xử hoặc nhận thức) nhằm khắc phục những khó khăn để đạt được mục đích đã đề ra. Như vậy, để giải quyết được VĐ, bản thân chủ thể cần có sự cố gắng, nỗ lực lớn về ý chí cũng như sự rèn luyện về năng lực.

Tình "có VĐ" được phản ánh trong mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể với tình huống phải giải quyết.

Lược đồ quá trình phát hiện và GQVĐ diễn ra theo trình tự sau: - Phát hiện VĐ; - Tìm hiểu VĐ; - Xác định kế hoạch GQVĐ; - Tiến hành GQVĐ, đưa ra lời giải; - Phân tích, khai thác lời giải.

Có loại tình huống, khi trẻ gặp lần đầu tiên sẽ thấy "có VĐ", nhưng sau đó việc giải quyết tình huống này sẽ không còn là VĐ nữa bởi trẻ đã đạt được những tri thức và KN mới.

KN là năng lực vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng.

- *Các mức độ GQVĐ:* 1) Giáo viên (GV) đặt VĐ, nêu cách GQVĐ; trẻ thực hiện cách GQVĐ theo sự hướng dẫn của GV; GV đánh giá kết quả làm việc của trẻ; 2) GV đặt VĐ, gợi ý cho trẻ nêu cách GQVĐ; trẻ thực hiện cách GQVĐ theo sự hướng dẫn của GV (khi cần); GV và trẻ cùng tham gia đánh giá; 3) GV cung cấp thông tin, tạo tình huống có VĐ; trẻ phát hiện và xác định VĐ nảy sinh, tự lực đề xuất các cách GQVĐ sau đó tự thực hiện những cách thức đã đề ra; GV đánh giá kết quả làm việc của trẻ; 4) Trẻ tự phát

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

hiện ra tình huống, tự phát biểu được VĐ cần giải quyết, tự tìm ra cách GQVĐ và cuối cùng là tự thực hiện, tự đánh giá việc GQVĐ; GV chỉ bổ sung ý kiến.

Như vậy, KNGQVĐ là năng lực thực hiện có kết quả những hành động diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau thuộc về cách cư xử hoặc nhận thức nhằm khắc phục những tình huống khó khăn đã có để diễn đạt được mục đích.

1.2. TCĐVTCTĐ: là cách thức trẻ mô phỏng lại những hành động, việc làm nào đó của người lớn cũng như thái độ và các mối quan hệ xã hội của họ bằng những công cụ tượng trưng. Bản chất của TCĐVTCTĐ là trẻ mô hình hóa các mối quan hệ giữa người lớn với nhau. Khi tham gia vào TCĐVTCTĐ, trẻ được thỏa mãn nguyện vọng, được sống và có nhu cầu được hoạt động như người lớn.

Một số đặc thù của TCĐVTCTĐ: - Chủ đề chơi: Đó là các mảng cuộc sống được phản ánh vào trò chơi dựa trên hiện thực cuộc sống. Phạm vi hiện thực mà trẻ tiếp xúc càng rộng thì chủ đề chơi càng mở rộng phong phú; - Vai chơi, các mối quan hệ chơi, hoàn cảnh tưởng tượng và trẻ phải “đóng vai” tức là ướm mình vào vị trí của một người lớn, bắt chước hành động của người lớn để thực hiện các chức năng xã hội. Qua đó, trẻ tiếp thu được những tri thức, KN và kinh nghiệm sống cần thiết; - Nội dung hoạt động chơi mô phỏng cuộc sống xã hội của người lớn, vì vậy bao gồm nhiều vai chơi khác nhau; nhờ thế, TCĐVTCTĐ tạo ra được những mối quan hệ giữa các vai chơi chứ không phải là ở những hành động với các đồ vật; - TCĐVTCTĐ mang tính tự nguyện, sáng tạo và tự lập cao. Trong TCĐVTCTĐ, trẻ luôn đứng ở vị trí của chủ thể hành động: từ việc nghĩ ra dự định chơi, lập kế hoạch chơi, chọn bạn chơi, phân vai chơi, tìm kiếm phương tiện chơi cho đến việc chủ động thiết lập các mối quan hệ với bạn cùng chơi.

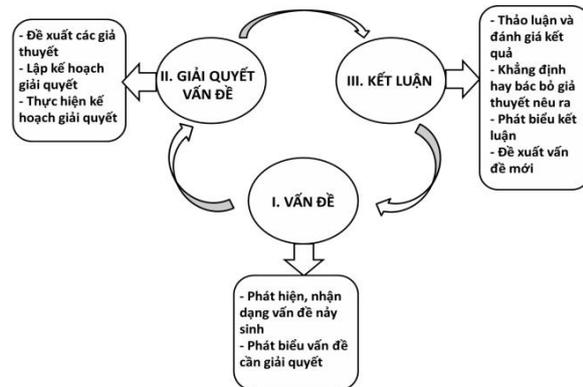
Như vậy, TCĐVTCTĐ là một trò chơi sáng tạo của trẻ nhằm mô phỏng một mảng hiện thực trong cuộc sống xã hội của người lớn thông qua việc đóng vai một nhân vật nào đó. Trong khi chơi, trẻ tái tạo lại đời sống xã hội xung quanh và qua đó trẻ học làm người.

1.3. Vai trò của TCĐVTCTĐ với việc hình thành KNGQVĐ cho trẻ 5-6 tuổi. Trẻ mẫu giáo nói chung, trẻ 5-6 tuổi nói riêng luôn có nhu cầu, hứng thú và tích cực GQVĐ trong hoạt động vui chơi. Ở lứa tuổi này, khả năng ngôn ngữ và vốn kinh nghiệm ứng xử giữa các mối quan hệ trong “xã hội trẻ em” còn hạn chế. Vì vậy, khi tham gia vào các vai chơi sẽ thường xuyên xảy ra những “khúc mắc”, những VĐ cần đòi hỏi trẻ phải thích ứng nhanh và có cách thức xử lý phù

hợp nhằm đảm bảo mối quan hệ hợp tác giữa các vai chơi, giữa trẻ với trẻ được bền vững và đoàn kết.

1.4. Bản chất của quá trình hình thành KNGQVĐ trong TCĐVTCTĐ: là quá trình diễn ra các hành động theo một trình tự cơ bản của hoạt động nhận thức, được chia thành các giai đoạn sau: 1) Nêu VĐ: - Trẻ phát hiện và nhận dạng VĐ nảy sinh; - Trẻ phát biểu VĐ cần giải quyết; 2) GQVĐ: - Trẻ biết đề xuất các giả thuyết; lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giải quyết; 3) Kết luận: - Trẻ thảo luận và đánh giá kết quả; khẳng định hay bác bỏ giả thuyết nêu ra; phát biểu kết luận; có thể đề xuất VĐ mới.

Quá trình hình thành KNGQVĐ trong TCĐVTCTĐ được mô phỏng cụ thể bằng sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1. Quá trình hình thành KNGQVĐ trong TCĐVTCTĐ

Sơ đồ cho thấy, trong tất cả các bước của quá trình GQVĐ đều có sự tham gia tích cực của các quá trình tâm sinh lí của đứa trẻ như: tri giác, tư duy, xúc cảm, tình cảm, tự ý thức, nhu cầu, chức năng vận động... Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn có một hoạt động tâm lí chiếm ưu thế hơn hẳn. Cụ thể: 1) Hoạt động tri giác giúp trẻ nhận biết VĐ; 2) Hoạt động tư duy giúp trẻ phân tích lựa chọn giải pháp và lập kế hoạch hành động; 3) Chức năng vận động và tự ý thức tham gia tích cực vào hoạt động thực hành của trẻ, giúp trẻ thực hiện kế hoạch và đánh giá kết quả.

2. Thực trạng mức độ hình thành KNGQVĐ của trẻ 5-6 tuổi thông qua TCĐVTCTĐ

2.1. Tiêu chí và thang đánh giá

2.1.1. Tiêu chí. Căn cứ vào các mức độ GQVĐ, chúng tôi xây dựng các tiêu chí đánh giá như sau: - **Phát hiện và nhận biết VĐ:** Mức độ 1: Không phát hiện và nhận biết được VĐ (0 điểm); Mức độ 2: Phát hiện và nhận ra VĐ với sự giúp đỡ của GV hoặc của bạn (1 điểm); Mức độ 3: Tự mình phát hiện và nhận ra VĐ (2 điểm); - **Lựa chọn giải pháp:** Mức độ 1: Không lựa chọn được giải pháp phù hợp với VĐ (0 điểm); Mức độ 2: Lựa chọn được giải pháp phù hợp dưới sự

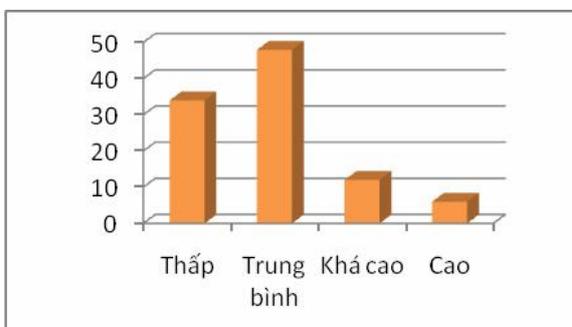
gợi ý của GV hoặc của bạn (1 điểm); Mức độ 3: Tự lựa chọn và thực hiện giải pháp phù hợp (2 điểm); - *Thực hiện giải pháp*. Mức độ 1: Không thực hiện được giải pháp (0 điểm); Mức độ 2: Thực hiện được giải pháp dưới sự gợi ý của GV hoặc của bạn (1 điểm); Mức độ 3: Tự thực hiện được giải pháp; - *Kết quả GQVĐ*: Mức độ 1: Không phù hợp (0 điểm); Mức độ 2: Tương đối phù hợp (1 điểm); Mức độ 3: Phù hợp (2 điểm).

2.1.2. *Thang đánh giá*: Mức cao: 7-8 điểm; Mức khá cao: 5-7 điểm; Mức trung bình: 4 - 5 điểm; Mức thấp: Dưới 4 điểm.

2.2. *Kết quả thực trạng*. Dựa vào bản chất và đặc thù của TCĐVTCD, chúng tôi xác định ba nhóm VĐ được nảy sinh khi trẻ tham gia TCĐVTCD như sau: *Nhóm 1*: Trẻ xung đột với nhau; *Nhóm 2*: Cơ sở vật chất không thỏa mãn nhu cầu chơi; *Nhóm 3*: Xảy ra tai nạn trong quá trình chơi. Chúng tôi đã tiến hành điều tra mức độ hình thành KNGQVĐ thông qua TCĐVTCD của 50 trẻ 5-6 tuổi tại hai Trường Mầm non Hòa Mi và Tuổi Thơ (Quận Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng).

- Kết quả khảo sát trên 23 trẻ ở Trường Mầm non Hòa Mi về mức độ hình thành KNGQVĐ cho thấy: “mức cao” là 1; “khá cao” là 2; “trung bình” là 11 và “thấp” là 8.

- Kết quả khảo sát trên 27 trẻ mầm non ở Trường Mầm non Tuổi Thơ về mức độ hình thành KNGQVĐ cho thấy: “mức cao” là 2; “khá cao” là 4; “trung bình” là 13; “thấp” là 9.



Biểu đồ 2. Mức độ hình thành KNGQVĐ của trẻ 5-6 tuổi thông qua TCĐVTCD ở Trường Mầm non Hòa Mi và Trường Mầm non Tuổi Thơ.

Biểu đồ 2 cho thấy, đa số trẻ đạt mức “trung bình” và “thấp”. Nguyên nhân của thực trạng này là do nhận thức của GV và phụ huynh chưa đầy đủ. Mục tiêu giáo dục nhằm hình thành KNGQVĐ cho trẻ trong TCĐVTCD khá hời hợt, chưa đồng bộ, còn nặng về hình thành nhận thức (về mặt lí thuyết) chứ chưa chú trọng vào việc hình thành KN cho trẻ (thực hành). Ngoài ra, trong giáo dục, cả GV và phụ huynh thường

bao bọc, làm hộ cho trẻ cùng với khó khăn về số lượng trẻ, thời gian, công việc..., tất cả những điều này đã ảnh hưởng đến việc hình thành KNGQVĐ của trẻ.

3. Một số biện pháp hình thành KNGQVĐ cho trẻ 5-6 tuổi thông qua TCĐVTCD

3.1. *Tạo môi trường hoạt động làm nảy sinh VĐ cho trẻ*. Để thực hiện biện pháp này, GV cần lập kế hoạch và dự kiến các hoạt động có thể xảy ra trong khi trẻ tham gia trò chơi đóng vai; quan sát, tìm hiểu môi trường xung quanh cũng như dựa vào kinh nghiệm thực tế của bản thân, khả năng của trẻ để đề ra cách xử lí tốt nhất cho từng VĐ cụ thể; từ đó sắp xếp, bố trí đồ dùng đồ chơi (kể cả những đồ vật thay thế) phù hợp với mục đích của tình huống.

Ví dụ: Trong khi chơi đóng vai “Bé làm nội trợ”, trẻ phát hiện ra VĐ là không có bếp nấu ăn, không có gia vị, nước mắm, sợi bún mì...; trong trường hợp đó, GV có thể bố trí bên cạnh phẩm màu để trẻ có thể pha “nước mắm”, hai viên gạch để kê “bếp nấu”, giấy xé sợi để làm “bún” hoặc “mì”...

Lưu ý khi sử dụng biện pháp này: Môi trường chuẩn bị phải an toàn, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu hứng thú của trẻ; các vật liệu thay thế phải dễ làm, dễ tìm kiếm, dễ sử dụng và trẻ có thể tham gia chuẩn bị cùng với GV.

3.2. *Sử dụng hệ thống câu hỏi nhằm gợi ý trẻ phát hiện VĐ*. GV phải dựa vào nhu cầu, thời điểm cần thiết mới sử dụng biện pháp này, chẳng hạn khi thấy trẻ lúng túng, loay hoay, lóng ngóng trước một VĐ nào đó. Các câu hỏi, gợi ý phải được đặt ở dạng “mở”, tránh nêu ngay VĐ khi trẻ chưa thật sự tích cực tìm hiểu.

Ví dụ: tình huống khách hàng “muốn ăn bún” nhưng cô bán hàng lại không có “bún” và trẻ đang loay hoay không biết phải làm gì. GV có thể gợi ý: Con thấy “sợi bún” có hình dạng và màu sắc như thế nào? Con có thể dùng cái gì đó để thay cho “bún”? Con nghĩ là mình sẽ dùng gì để tạo ra các “sợi bún”?...

Lưu ý khi sử dụng biện pháp này: GV không nên quá lạm dụng câu hỏi, lời gợi ý bởi dễ dẫn đến tình trạng trẻ có thói quen phụ thuộc, thụ động, chờ đợi sự giúp đỡ của người lớn.

3.3. *Khuyến khích trẻ tự đánh giá, nhận xét kết quả GQVĐ*. GV cho trẻ tự nhận xét và đánh giá các thành viên trong nhóm chơi.

Ví dụ: trong quá trình chơi đóng vai “bác sĩ”, có nhiều trẻ muốn được làm bác sĩ, các bạn không thỏa thuận được nên xảy ra tranh cãi... Lúc này GV cho trẻ

tự nhận xét bản thân và nhận xét bạn về thái độ, các hành vi nên hay không nên, đúng hay sai... hướng giải quyết nên như thế nào?... Hay với tình huống trẻ đóng vai “bác sĩ” khám bệnh cho “bệnh nhân” mà không dùng “ống nghe”, không hỏi bệnh..., GV cho trẻ nhận xét về “bác sĩ” này...

Trẻ ở lứa tuổi này chủ yếu nhận thức bằng cảm tính; do đó, việc tổ chức cho trẻ tự kiểm tra, đánh giá là cơ hội để trẻ luyện tập và hình thành KN đánh giá kết quả GQVĐ của bản thân và người khác. Quá trình kiểm tra, đánh giá của trẻ có sự tổ chức, điều khiển của GV nên sẽ định hướng cho trẻ những tiêu chí để đánh giá khách quan kết quả GQVĐ của mình, ít bị chi phối bởi cảm xúc. Dần dần, khi có KN, trẻ sẽ tự đánh giá được kết quả GQVĐ mà không cần tác động của người lớn.

* * *

Dựa trên cơ sở lí luận và thực tiễn, chúng tôi nhận thấy rằng, GQVĐ là sự tổng hợp của nhiều KN khác nhau: phát hiện và nhận biết VĐ, lựa chọn giải pháp,

thực hiện giải pháp, kiểm tra, đánh giá kết quả. TCĐVTCD là hoạt động có nhiều ưu thế nhất để hình thành KNGQVĐ cho trẻ nói chung, trẻ 5-6 tuổi nói riêng. Việc đề xuất các biện pháp nhằm giúp trẻ hình thành KNGQVĐ là rất cần thiết và quan trọng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non, đặc biệt là chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ bước vào bậc học tiếp theo. □

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dũng (chủ biên). **Từ điển tâm lí học**. NXB Khoa học Xã hội, H. 2002.
2. Lecne.I. Ia. **Đạy học nêu vấn đề**. NXB Giáo dục, H. 2002.
3. Đinh Văn Vang. **Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.
4. Vũ Hoa Tươi (sưu tầm và hệ thống hóa). **Đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả và những giải pháp ứng xử trong ngành giáo dục hiện nay**. NXB Tài chính, H. 2013.

Một số năng lực cần có...

(Tiếp theo trang 2)

người biết kết hợp “thang đo” của chính mình với “thang đo” của xã hội để có cái nhìn toàn diện; và nhà QL thành đạt luôn là người có những tiêu chuẩn cao và quyết tâm theo đuổi chúng, nhưng nếu chưa đạt được cũng không bị quan.

2.6. NL xử lí thông tin, cụ thể: - *NL phân tích vấn đề và ra quyết định*, gồm: nhận dạng vấn đề, nguyên nhân và xử lí các thông tin để đưa ra giải pháp chính xác trong thời gian ngắn nhất; - *NL phân tích và định lượng các chi phí cho giáo dục*: CBQL phải làm việc với các con số tài chính và có khả năng phân tích các con số này để phục vụ quá trình QL cơ sở giáo dục; - *NL xử lí các chi tiết*: CBQLGD phải biết chọn lọc các thông tin quan trọng để xử lí, giữ được các khuynh hướng chính nhưng không mất đi các chi tiết cần thiết, cân đối giữa toàn cục và từng thành tố.

3. Đánh giá NL của CBQLGD

Việc đánh giá NL CBQLGD được coi là “chìa khóa” quan trọng của công tác QLGD; là cơ sở để xác định ai là người có khả năng được tiếp tục sử dụng và đề bạt lên chức vụ cao hơn; có ý nghĩa trong việc đào tạo, phát triển cán bộ (hiểu được điểm mạnh, điểm yếu của từng người trong bộ máy mình QL).

Mục đích đánh giá CBQLGD nhằm phát huy được mọi khả năng sáng tạo và cống hiến của từng người; đồng thời, sử dụng cán bộ có hiệu quả hơn. Nội dung đánh giá bao gồm nhiều mặt: - *Hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra*: Đánh giá kết quả thực hiện phải căn cứ vào việc làm của từng người, cả việc làm được và chưa làm được, cả ưu điểm và khuyết điểm trong từng thời kì nhất định; - *Dựa vào các tiêu chuẩn và yêu cầu về PC và NL của CBQLGD để đánh giá*: những nhận xét, đánh giá, kết luận về CBQLGD phải do tập thể có thẩm quyền quyết định, nhằm khắc phục cách làm đơn giản, phiến diện, thái độ độc đoán chuyên quyền, thành kiến, thiếu công tâm. Phương pháp đánh giá: cần thu thập thông tin nhiều chiều, nghiên cứu quá trình qua hồ sơ, phân tích kết quả thử nghiệm, “lượng hóa” các tiêu chí đánh giá; mối quan hệ với kết quả; quan hệ kết quả với chi phí... □

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. **Khoa học quản lí**. NXB Lí luận Chính trị, H. 2005.
2. Trần Kiểm. **Khoa học quản lí giáo dục - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn**. NXB Giáo dục, H. 2004.
3. Ban Chấp hành Trung ương. **Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo**.
4. Nguyễn Thị Minh Phượng và các tác giả. **Cẩm nang phương pháp sư phạm**. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. 2013.